

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2021/KDTM-ST**
Ngày 22/01/2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thủy**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Thảo**

2. Bà **Nguyễn Thị Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Minh Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Hương Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2020/TLST-KDTM ngày 18/5/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐST-KDTM ngày 24/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-KDTM ngày 25/12/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty TNHH G**

Địa chỉ: Khu công nghiệp L, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kha Lương P, chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Đại diện theo uỷ quyền: Công ty luật TNHH MTV Quốc Cường thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tuyền Quang (địa chỉ: Khu dân cư Lý Thái Tổ, tổ 32, phường Phan Thiết, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang) do ông Vũ Quang Bình và ông Ngô Việt Thắng đại tham gia tố tụng.

*** Bị đơn: Công ty cổ phần V**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp B, xã Q (nay là thị trấn L), huyện L, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn H, chức vụ: Giám đốc.

Ông Vũ Quang Bình có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2020 (nộp cho Tòa án 16/4/2020) nguyên đơn – Công ty TNHH gang thép Tuyên Quang trình bày:

Ngày 24/9/2018, Công ty TNHH G và Công ty cổ phần V ký kết hợp đồng kinh tế số XGY 1809-10 với những nội dung: Bên B - Công ty cổ phần V đồng ý bán cho Bên A - Công ty TNHH G than cám 3a, khối lượng 2000 tấn/tháng, đơn giá 3.400.000 đồng/tấn, hàng tháng Bên A (bên mua) tạm ứng 30% giá trị của 1500 tấn hàng cho bên B bằng số tiền là 1.530.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng*) khấu trừ vào tàu hàng cuối của tháng đó.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty TNHH G đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ các nội dung mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Cụ thể:

- Ngày 04/10/2018, Công ty TNHH G đã chuyển tiền tạm ứng là 1.530.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng*) cho Công ty cổ phần V theo Phiếu duyệt chuyển khoản và Ủy nhiệm chi ngày 04/10/2018.

- Ngày 25/1/2019, Công ty TNHH G nhập kho 94,291 tấn than cám 3a từ Công ty cổ phần V bằng với số tiền là 328.132.680 đồng (*Ba trăm hai mươi tám triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*).

Sau đó, Công ty cổ phần V không tiếp tục giao hàng đúng theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho Công ty TNHH G mà không nói rõ lý do.

Ngày 06/4/2019, Công ty TNHH G nhận được hóa đơn đối với số hàng giao nhận ngày 25/01/2019.

Ngày 05/4/2019, Công ty TNHH G đã gửi công văn yêu cầu Công ty cổ phần V do không cung cấp hàng nên phải trả lại số tiền tạm ứng 1.530.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng*) trừ đi số tiền hàng đã giao theo hóa đơn ngày 06/4/2019 là: 328.132.680 đồng (*Ba trăm hai mươi tám triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*), còn lại là 1.201.867.320 đồng (*Một tỷ hai trăm linh một triệu, tám trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm hai mươi đồng*)

Ngày 09/4/2019 Công ty cổ phần V có công văn số 18/CV-VNTH gửi Công ty TNHH G đề nghị được hoàn trả số tiền đã nhận tạm ứng thành hai giai đoạn:

- Giai đoạn 1 thanh toán 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) trong tháng 6/2019;

- Giai đoạn 2 thanh toán 701.867.320 đồng (*Bảy trăm linh một triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm hai mươi đồng*) trong tháng 9 năm 2019.

Công ty TNHH G nhất trí với phương án thanh toán của Công ty cổ phần V, tuy nhiên trong tháng các giai đoạn trên Công ty cổ phần V không thanh toán tiền đúng hạn cho Công ty TNHH G.

Ngày 10/7/2019, Công ty TNHH G tiếp tục có công văn số 180/CV/GTTQ đề yêu cầu Công ty cổ phần V hoàn trả tiền tạm ứng.

Ngày 19/7/2019, Công ty cổ phần V tiếp tục gửi công văn số 19/CV-VNTH xin hoãn thời hạn thanh toán:

- Giai đoạn 1 thanh toán 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*) vào ngày 26/7/2019;

- Giai đoạn 2 thanh toán 601.867.320 đồng (*Sáu trăm linh một triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm hai mươi đồng*) vào ngày 26/12/2019.

Đến ngày 26/7/2019, Công ty cổ phần V mới chỉ thanh toán được số tiền là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) cho Công ty TNHH G, còn lại 901.867.320 đồng (*Chín trăm linh một triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm hai mươi đồng*) đến nay vẫn chưa hoàn trả.

Công ty TNHH G đã rất thiện chí tạo điều kiện giúp đỡ cho Công ty cổ phần V trong việc hoàn trả lại tiền tạm ứng đã nhận nhưng hành động của Công ty cổ phần V đã không thực hiện đúng thỏa thuận theo hợp đồng, sau đó không thực hiện theo đúng cam kết hoàn trả tiền theo văn bản phúc đáp ngày 19/7/2019.

Vì vậy, Công ty TNHH G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần V ngoài việc phải hoàn trả số tiền tạm ứng (đã nhận) hiện còn nợ lại là: 901.867.320 đồng (*Chín trăm linh một triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm hai mươi đồng*) còn phải thanh toán tiền lãi đối với khoản tiền trên theo lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tính từ ngày Công ty cổ phần V không làm theo đúng thỏa thuận thanh toán giữa các bên (26/7/2019) đến nay.

Đề nghị Tòa án giải quyết cụ thể:

- Yêu cầu Công ty cổ phần V hoàn trả số tiền tạm ứng (đã nhận) đến nay còn chưa trả là: 901.867.320 đồng (*Chín trăm linh một triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm hai mươi đồng*) cho Công ty TNHH G.

- Yêu cầu Công ty cổ phần V trả lãi đối với số tiền tạm ứng từ ngày 26/7/2019 đến nay, tính theo mức lãi suất trung bình thời điểm làm đơn của 03 ngân hàng tại Tuyên Quang là 11%/năm. Tạm tính đến ngày làm đơn khởi kiện là: $901.867.320 \times 11\%/\text{năm} \times 150\% \times 7.5 \text{ tháng} = 93.005.067$ đồng (*Chín mươi ba triệu, không trăm linh năm nghìn, không trăm sáu mươi bảy đồng*).

Tổng cộng số tiền Công ty cổ phần V phải trả cho Công ty TNHH G là: 994.872.387 đồng (*Chín trăm chín mươi tư triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm tám mươi bảy đồng*).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi các văn bản tố tụng triệu tập (bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện hoặc niêm yết theo quy định) người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần V đến Tòa án làm việc nhưng Công ty cổ phần V đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ và niêm yết các văn bản tố tụng theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - Công ty TNHH G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần V phải trả tiền lãi suất nợ quá hạn tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch của vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ngày 18/5/2020, Tòa án nhân thành phố Tuyên Quang thụ lý vụ án số 07/2020/TLST-KDTM theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH G, người bị kiện là Công ty cổ phần V và xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang theo Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều thể hiện: Ngày 24/9/2018, Công ty TNHH G và Công ty cổ phần V ký kết hợp đồng kinh tế số XGY 1809-10 với nội dung: Công ty cổ phần V đồng ý bán cho Công ty TNHH G than cám 3a, khối lượng 2000 tấn/tháng, đơn giá 3.400.000 đồng/tấn, hàng tháng Bên mua tạm ứng 30% giá trị của 1500 tấn hàng cho bên B bằng số tiền là 1.530.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng*) khấu trừ vào tàu hàng cuối của tháng đó. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 04/10/2018, Công ty TNHH G đã chuyển tiền tạm ứng là 1.530.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng*) cho Công ty cổ phần V

theo Phiếu duyệt chuyển khoản và Ủy nhiệm chi ngày 04/10/2018. Ngày 25/1/2019, Công ty TNHH G nhận được 94,291 tấn than cám 3a từ Công ty cổ phần V bằng với số tiền là 328.132.680 đồng (*Ba trăm hai mươi tám triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*). Sau đó Công ty cổ phần V không tiếp tục chuyển giao hàng theo đúng hợp đồng đã ký kết dẫn đến việc ngày 05/4/2019, Công ty TNHH G đã có công văn yêu cầu trả lại số dư tiền tạm ứng đã chuyển cho Công ty cổ phần V là 1.201.867.320 đồng. Sau khi nhận được yêu cầu trả tiền, Công ty cổ phần V nhất trí và đề nghị sẽ hoàn trả tiền vào hai giai đoạn là trong tháng 6/2019 trả 500.000.000 đồng và trong tháng 9/2019 trả 701.867.320 đồng cho Công ty TNHH G. Tuy nhiên, đến hạn Công ty cổ phần V đã không thực hiện đúng cam kết. Sau đó Công ty TNHH G tiếp tục nhiều lần có văn bản yêu cầu nên ngày 19/7/2019 Công ty cổ phần V có văn bản xin gia hạn với nội dung sẽ thanh toán số tiền 600.000.000 đồng vào ngày 26/7/2019 và thanh toán số tiền 601.867.320 đồng vào ngày 26/12/2019. Tuy nhiên đến hạn ngày 26/7/2019, Công ty cổ phần V chỉ thanh toán cho Công ty TNHH G 300.000.000 đồng mà không phải là 600.000.000 đồng như đã cam kết. Từ đó cho đến hạn ngày 26/12/2019 và cho đến nay Công ty cổ phần V không thanh toán cho Công ty TNHH G thêm khoản tiền nào khác mặc dù hai bên tiếp tục có thêm nhiều văn bản trao đổi về việc hoàn trả tiền cho nhau.

Sau khi xem xét, đánh giá các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng nguyên tác số XGY1809-10 ngày 24/9/2018 giữa Công ty TNHH G và Công ty cổ phần V; Hoá đơn giá trị gia tăng (đối với số lượng hàng đã giao); Ủy nhiệm chi về việc chuyển tiền, hoàn trả tiền; Các văn bản thoả thuận về việc hoàn trả tiền... đủ căn cứ xác định: Có việc ký kết hợp đồng mua bán hàng hoá (Than cám 3a) giữa Công ty TNHH G và Công ty cổ phần V. Về việc thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH G đã thực hiện việc chuyển trước cho Công ty cổ phần V số tiền 1.530.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng*); Ngày 25/1/2019, Công ty cổ phần V đã giao hàng Công ty TNHH G 94,291 tấn quặng bằng số tiền là 328.132.680 đồng (*Ba trăm hai mươi tám triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*). Sau đó hợp đồng giữa hai bên không được tiếp tục thực hiện do phía Công ty cổ phần V không giao hàng cho Công ty TNHH G. Thời điểm này phát sinh thoả thuận mới giữa hai công ty về việc hoàn trả tiền tạm ứng mua hàng mà phía Công ty cổ phần V đã nhận (có trừ đi giá trị của số lượng hàng mà phía Công ty TNHH G đã nhận) thì số tiền còn là 1.201.867.320 đồng (*Một tỷ hai trăm linh một triệu, tám trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm hai mươi đồng*). Thoả thuận mới này được các bên thực hiện thể hiện bằng việc ngày 26/7/2019 Công ty cổ phần V chuyển trả cho Công ty TNHH G 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*). Nhưng quá trình này tiếp tục có sự vi phạm của Công ty cổ phần V vào cùng ngày 26/7/2019 (do không chuyển trả đủ số tiền là 600.000.000 đồng). Vì vậy, số tiền tranh chấp giữa các bên đương sự được xác định là (1.201.867.320 đồng - 300.000.000 đồng)

= 901.867.320 đồng kể từ ngày 26/7/2019. Cho đến nay Công ty cổ phần V vẫn chưa thanh toán số tiền này nên buộc phải hoàn trả và trả lãi suất quá hạn cho Công ty TNHH G.

Về yêu cầu tính lãi suất quá hạn: Công ty TNHH G đề nghị Công ty cổ phần V phải trả lãi 11%/năm x 150% đối với số tiền 901.867.320 đồng kể từ ngày 26/7/2019. Toà án thành phố Tuyên Quang đã tiến hành xác minh lãi suất đang được áp dụng thực hiện trong tháng 01/2021 của 03 Ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố Tuyên Quang, chia lãi suất trung bình chung là 11,23%/năm. Xét đề nghị tính lãi suất của Công ty TNHH G không vượt quá lãi suất đã xác minh nên chấp nhận.

Từ các phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G về việc buộc Công ty cổ phần V phải hoàn trả số tiền 901.867.320 đồng (*Chín trăm linh một triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm hai mươi đồng*). Về lãi suất được tính như sau:

- Số tiền 600.000.000 đồng được Công ty cổ phần V hẹn trả vào ngày 26/7/2019 nhưng đến hạn chỉ trả được 300.000.000 đồng, còn thiếu 300.000.000 đồng, vì vậy phải chịu lãi suất nợ quá hạn kể từ 26/7/2019 đến ngày 26/12/2019. Cụ thể: $300.000.000đ \times 11\%/năm \times 150\% \times 05 \text{ tháng} = 20.625.000 \text{ đồng}$.

- Số tiền 601.867.320 đồng được Công ty cổ phần V hẹn trả vào ngày 26/12/2019 nhưng đến hạn không trả, vì vậy cộng với số tiền 300.000.000 đồng (chưa trả vào ngày 26/7/2019) = 901.867.320 đồng và phải chịu lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 26/12/2019 đến ngày Toà án thành phố Tuyên Quang xét xử vụ án (22/01/2021) là 12 tháng 27 ngày. Cụ thể: $901.867.320đ \times 11\%/năm \times 150\% \times 12 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 159.968.715 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi suất là: 901.867.320 đồng + 20.625.000 đồng + 159.968.715 đồng = 1.082.461.035đ (*Một tỷ không trăm tám mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn không trăm ba mươi lăm đồng*).

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn - Công ty TNHH G được chấp nhận nên bị đơn - Công ty cổ phần V phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch của vụ án là 44.473.831đ (*Bốn mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm ba mươi một đồng*). Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280 và Điều 281 của Bộ luật dân sự; Điều 24, Điều 35, Điều 37, Điều 50, Điều 55, Điều 56 và Điều 306 của Luật thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TNHH G;

Buộc Công ty cổ phần V phải thanh toán cho Công ty TNHH G tổng số tiền: 1.082.461.035đ (*Một tỷ không trăm tám mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn không trăm ba mươi lăm đồng*). Trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc là 901.867.320 đồng và tiền lãi suất nợ quá hạn là 180.593.715 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Bị đơn - Công ty cổ phần V phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch của vụ án là 44.473.831đ (*Bốn mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm ba mươi một đồng*). Nguyên đơn không phải chịu án phí; trả lại cho Công ty TNHH G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.528.000đ (*Mười chín triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000392 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang.

3. Nguyên đơn - Công ty TNHH G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 22/01/2021; Bị đơn - Công ty cổ phần V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thu Thủy

